CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 188 ./2024/GE-CBTT	*Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2024*

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:
- **Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước**
- **Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

1. **Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Điện lực GELEX**

- Mã chứng khoán: GEE
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 024 73012344 Fax: 024 36331510
- Email: ge@gelex-electric.com

2. **Nội dung thông tin công bố:**

Công ty Cổ phần Điện lực GELEX trân trọng công bố: Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ năm 2024 đã được soát xét và Văn bản giải trình nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 06 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ 06 tháng đầu năm 2023.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 22/08/2024 tại đường dẫn: https://gelex-electric.com/quan-he-co-dong

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:
- *Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ năm 2024 đã được soát xét.*
- *Văn bản giải trình nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét.*

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX
Người được ủy quyền công bố thông tin

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX

Phạm Tuấn Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 187/2024/GE-TGĐ *V/v: Giải trình nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét*	*Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2024*

Kính gửi: **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tên tổ chức : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX**
Mã chứng khoán : GEE
Địa chỉ trụ sở chính : Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty cổ phần Điện lực GELEX giải trình nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 06 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ 06 tháng đầu năm 2023 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	BCTC riêng	BCTC hợp nhất
1	Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2024	Tỷ đồng	297,8	650,6
2	Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2023	Tỷ đồng	223,9	178
3	Biến động so với cùng kỳ năm trước	Tỷ đồng	73,9	472,6
4	Tỷ lệ biến động so với cùng kỳ năm trước	%	33,0%	265,6%

Về Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng 06 tháng đầu năm 2024 tăng 73,9 tỷ đồng tương đương mức tăng 33% so với 06 tháng đầu năm 2023 là do một số nguyên nhân chính sau:

- Chi phí hoạt động tài chính giảm 127,5 tỷ đồng do chi phí lãi vay, LC giảm và hoàn nhập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn.
- Trong khi đó, doanh thu hoạt động tài chính chỉ giảm gần 52 tỷ đồng, phần lớn do cổ tức, lợi nhuận được chia 6 tháng đầu năm 2024 giảm so với 6 tháng đầu năm 2023.

Về Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2024 tăng 472,6 tỷ đồng tương đương mức tăng 265,6% so với 06 tháng đầu năm 2023 là do một số nguyên nhân chính sau:

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng mạnh 242,8 tỷ đồng do doanh thu thuần hợp nhất tăng 1.762 tỷ đồng nhờ ảnh hưởng tích cực từ nền kinh tế và áp dụng hiệu quả các giải pháp quản trị trong công tác sản xuất, bán hàng.

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 226 tỷ đồng phần lớn từ việc ghi nhận lãi chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty con, trong khi đó chi phí tài chính giảm 146 tỷ đồng do chi phí lãi vay giảm.
- Kết quả hoạt động kinh doanh tốt hơn so với cùng kỳ dẫn tới chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng 97 tỷ đồng.

Bằng văn bản này, Công ty kính báo cáo Quý Ủy ban, Quý Sở và Nhà đầu tư được biết.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, TCKT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX

Nguyễn Trọng Trung

Deloitte.

MAKING AN IMPACT THAT MATTERS since 1845

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực GELEX (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Đặng Phan Tường	Thành viên
Ông Đỗ Duy Hưng	Thành viên
Ông Lê Bá Thọ	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Luyện	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2024)
Ông Nguyễn Trọng Trung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2024)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Trọng Trung	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Đào Viết Đỉnh	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Hoàng Việt	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Bùi Thị Trang	Thành viên Ban Kiểm soát

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0107547109 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Trọng Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 8 năm 2024

Deloitte.

MAKING AN IMPACT THAT MATTERS since 1845

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam
Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : +84 24 7105 0000
Fax : +84 24 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Số: 0253 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực GELEX

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực GELEX (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 8 năm 2024, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited ("DTTL" hay "Deloitte Toàn cầu"), và mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu (gọi chung là Tổ chức Deloitte). DTTL và mỗi thành viên trực thuộc là một pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi thành viên trực thuộc chỉ chịu trách nhiệm cho hành vi và thiếu sót của mình, chứ không phải chịu trách nhiệm lẫn nhau. DTTL không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng.
Vui lòng xem tại www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

M.S.D.N: 0100112500 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM - Q. ĐỐNG ĐA - TP HÀ NỘI

Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 21 tháng 8 năm 2024
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**502.311.578.806**	**1.447.711.370.879**
I.	**Tiền**	**110**	**4**	**74.426.498.545**	**359.308.639.737**
1.	Tiền	111		74.426.498.545	359.308.639.737
II.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**363.152.888.586**	**942.714.412.406**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	53.839.702.320	535.771.165.566
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		58.320.000	635.630.532
3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	300.000.000.000	405.000.000.000
4.	Phải thu ngắn hạn khác	136	7	9.882.326.669	1.935.076.711
5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(627.460.403)	(627.460.403)
III.	**Hàng tồn kho**	**140**	**8**	**52.258.769.671**	**130.807.200.558**
1.	Hàng tồn kho	141		52.258.769.671	130.807.200.558
IV.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**12.473.422.004**	**14.881.118.178**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	699.273.708	737.172.008
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		482.220	2.370.280.094
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	11.773.666.076	11.773.666.076
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**5.749.509.945.880**	**5.862.556.855.354**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**10.000.000**	**10.000.000**
1.	Phải thu dài hạn khác	216	7	10.000.000	10.000.000
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**10.748.862.859**	**12.551.220.454**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	10	4.730.991.740	5.585.162.718
	- Nguyên giá	*222*		*9.312.451.969*	*9.312.451.969*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(4.581.460.229)*	*(3.727.289.251)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227	11	6.017.871.119	6.966.057.736
	- Nguyên giá	*228*		*9.570.266.170*	*9.570.266.170*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(3.552.395.051)*	*(2.604.208.434)*
III.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**6.049.772.580**	**2.222.924.980**
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	6.049.772.580	2.222.924.980
IV.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**	**13**	**5.727.312.775.962**	**5.840.087.258.502**
1.	Đầu tư vào công ty con	251		4.649.894.925.077	4.649.937.895.744
2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.111.361.869.099	1.238.396.869.099
3.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(33.944.018.214)	(48.247.506.341)
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**5.388.534.479**	**7.685.451.418**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	9	5.388.534.479	7.685.451.418
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**6.251.821.524.686**	**7.310.268.226.233**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**1.335.524.356.466**	**2.391.778.161.691**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**1.261.867.957.965**	**2.339.148.150.357**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	88.957.905.025	82.203.340.757
2.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	293.930.699	117.432.450
3.	Phải trả người lao động	314		1.671.753.669	3.143.522.584
4.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	3.242.080.529	17.574.088.371
5.	Phải trả ngắn hạn khác	319	17	5.014.081.050	757.539.374.277
6.	Vay ngắn hạn	320	19	1.162.301.865.832	1.478.131.250.757
7.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		386.341.161	439.141.161
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**73.656.398.501**	**52.630.011.334**
1.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332	18	21.075.883.133	-
2.	Chi phí phải trả dài hạn	333	16	279.255.452	-
3.	Phải trả dài hạn khác	337	17	2.301.259.916	2.630.011.334
4.	Vay dài hạn	338	20	50.000.000.000	50.000.000.000
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**4.916.297.168.220**	**4.918.490.064.542**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**21**	**4.916.297.168.220**	**4.918.490.064.542**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*3.000.000.000.000*	*3.000.000.000.000*
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		835.287.500.000	835.287.500.000
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418		5.000.000.000	5.000.000.000
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.076.009.668.220	1.078.202.564.542
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước/năm trước	*421a*		*778.202.564.542*	*124.147.407.961*
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	*421b*		*297.807.103.678*	*954.055.156.581*
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**6.251.821.524.686**	**7.310.268.226.233**

Nguyễn Thị Vân Anh	Nguyễn Thị Nga	Nguyễn Trọng Trung
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 21 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**23**	**421.388.909.639**	**845.294.891.253**
2.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)**	**10**		**421.388.909.639**	**845.294.891.253**
3.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	415.254.737.597	835.049.380.010
4.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**6.134.172.042**	**10.245.511.243**
5.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	362.990.144.623	414.971.209.675
6.	Chi phí tài chính	22	26	54.203.102.770	181.735.995.830
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*53.540.981.208*	*106.053.455.055*
7.	Chi phí bán hàng	25	27	2.394.788.627	2.707.989.331
8.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	14.739.913.018	16.896.670.994
9.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))**	**30**		**297.786.512.250**	**223.876.064.763**
10.	Thu nhập khác	31		20.598.654	-
11.	Chi phí khác	32		7.226	193.866
12.	**Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)**	**40**		**20.591.428**	**(193.866)**
13.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**297.807.103.678**	**223.875.870.897**
14.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	-	-
15.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)**	**60**		**297.807.103.678**	**223.875.870.897**

Nguyễn Thị Vân Anh	**Nguyễn Thị Nga**	**Nguyễn Trọng Trung**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 21 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***	***297.807.103.678***	***223.875.870.897***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***			
	Khấu hao tài sản cố định	02	1.270.867.203	1.165.923.898
	Các khoản dự phòng	03	(14.303.488.127)	37.225.539.368
	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	7.960.890	1.743.299.702
	Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(360.490.852.968)	(409.242.758.817)
	Chi phí lãi vay	06	53.540.981.208	106.053.455.055
3.	***Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***	***(22.167.428.116)***	***(39.178.669.897)***
	Giảm các khoản phải thu	09	61.373.939.201	283.830.626.295
	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	78.548.430.887	(238.481.313.994)
	Giảm các khoản phải trả (Không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, lãi tiền vay phải trả)	11	(761.273.964.348)	(395.982.535.930)
	Giảm chi phí trả trước	12	2.334.815.239	3.038.023.655
	Tiền lãi vay đã trả	14	(54.557.199.831)	(104.605.528.559)
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(52.800.000)	(57.800.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(695.794.206.968)***	***(491.437.198.430)***
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.477.147.600)	(4.060.099.250)
2.	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(200.000.000.000)	(515.000.000.000)
3.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	305.000.000.000	400.000.000.000
4.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(77.375.704.816)
5.	Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	567.169.312.080	600.000.000.000
6.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	357.032.777.181	394.348.140.324
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***1.026.724.941.661***	***797.912.336.258***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
1.	Tiền thu từ đi vay	33	1.032.027.877.240	821.689.851.367
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.347.857.262.165)	(918.829.882.965)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(299.985.800.000)	(149.992.899.998)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(615.815.184.925)***	***(247.132.931.596)***
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**	**(284.884.450.232)**	**59.342.206.232**
	Tiền đầu kỳ	**60**	**359.308.639.737**	**17.129.349.002**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.309.040	36.896.756
	Tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	**70**	**74.426.498.545**	**76.508.451.990**

Nguyễn Thị Vân Anh	**Nguyễn Thị Nga**	**Nguyễn Trọng Trung**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 21 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực GELEX (gọi tắt là "Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107547109 ngày 29 tháng 8 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 15 tháng 11 năm 2022.

Công ty có trụ sở chính tại số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán "GEE") được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 353/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày ngày 02 tháng 7 năm 2024 và đã chính thức giao dịch ngày đầu tiên tại HOSE kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2024.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX.

Tổng số cán bộ, nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 19 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 27 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty bao gồm:

Hoạt động với vai trò là công ty mẹ, đầu tư và quản lý vốn tại các doanh nghiệp trong hai lĩnh vực chính là sản xuất, kinh doanh thiết bị điện (dây và cáp điện, máy biến áp, thiết bị đo điện, máy biến dòng biến áp, dây đồng và các sản phẩm thiết bị điện khác) và quản lý đầu tư các dự án nguồn phát điện và phân phối điện;

Sản xuất kinh doanh vật tư thiết bị điện và thiết bị đo điện gồm công tơ điện, máy biến dòng, máy biến áp và các sản phẩm, hàng hóa khác.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024:

- **Thành lập công ty con gián tiếp - Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc:**

Theo Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam ("CADIVI") - Công ty con của Công ty, Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc ("CADIVI Miền Bắc") được được thành lập với số vốn điều lệ là 200 tỷ VND. CADIVI Miền Bắc đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 230127037 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 03 tháng 01 năm 2024. Theo đó, CADIVI Miền Bắc trở thành công ty con gián tiếp của Công ty kể từ ngày này.

Theo Quyết định số 15/2024/QĐ-HĐQT ngày 29 tháng 3 năm 2024, Hội đồng Quản trị CADIVI đã thông qua việc tăng vốn điều lệ CADIVI Miền Bắc với mức tăng vốn điều lệ là 100 tỷ VND. Vốn điều lệ sau khi thay đổi là 300 tỷ VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, CADIVI đã góp đủ vốn vào CADIVI Miền Bắc.

- **Chuyển nhượng 80% phần vốn góp tại Công ty TNHH Năng lượng GELEX Ninh Thuận (trước đây là Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận ("GELEX Ninh Thuận"):**

Theo Nghị quyết số 43/2023/GE/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 10 năm 2023, Hội đồng Quản trị Công ty đã chấp thuận phương án chuyển nhượng phần vốn góp của công ty thành viên của Công ty tại GELEX Ninh Thuận. Theo đó, ngày 14 tháng 6 năm 2024, Công ty TNHH Phát điện GELEX – công ty con của Công ty đã thực hiện việc chuyển nhượng 80% phần vốn góp tại GELEX Ninh Thuận cho Sembcorp Solar Vietnam Pte.Ltd. theo Hợp đồng mua bán ngày 10 tháng 11 năm 2023 và các văn bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung.

Theo đó, tỷ lệ sở hữu gián tiếp của Công ty tại GELEX Ninh Thuận giảm từ 100% xuống còn 20%, GELEX Ninh Thuận không còn là công ty con gián tiếp của Công ty và trở thành công ty liên kết gián tiếp của Công ty kể từ ngày này.

- **Hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM"):**

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, cổ phiếu Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (Mã chứng khoán: HEM) được chấp thuận hủy đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM theo Quyết định số 420/QĐ-SGDHN ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- **Chuyển nhượng 10% phần vốn góp tại Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị ("GELEX Quảng Trị"):**

Theo Nghị quyết số 43/2023/GE/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng Quản trị Công ty, tại ngày 08 tháng 5 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 10% phần vốn góp còn lại tại Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị ("GELEX Quảng Trị") cho Sembcorp Solar Vietnam Pte.Ltd. theo Hợp đồng mua bán ngày 10 tháng 11 năm 2023 và các văn bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con mà Công ty có tỷ lệ lợi ích trực tiếp và tỷ lệ biểu quyết tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam ("CADIVI")	Thành phố Hồ Chí Minh	96,46%	96,46%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2.	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM")	Hà Nội	76,70%	76,70%	Sản xuất, chế tạo, sửa chữa, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
3.	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT ("CFT")	Đồng Nai	100%	100%	Sản xuất dây đồng và dây tráng thiếc
4.	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("THIBIDI")	Đồng Nai	98,07%	98,07%	Sản xuất, chế tạo, sửa chữa, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
5.	Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC ("EMIC")	Hà Nội	74,99%	74,99%	Sản xuất và kinh doanh thiết bị đo điện gồm công tơ điện, đồng hồ Volt-Ampe, máy biến dòng, máy biến áp, tủ điện và các sản phẩm khác

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
6.	Công ty TNHH Phát điện GELEX ("Phát điện GELEX")	Hà Nội	100%	100%	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực sản xuất, truyền tải và phân phối điện
7.	Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE ("MEE")	Hà Nội	66,79%	66,79%	Sản xuất và kinh doanh máy biến áp
8.	Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX ("GETC")	Hà Nội	51,00%	51,00%	Truyền tải và phân phối điện

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, một số công ty con của Công ty cũng sở hữu các công ty con, công ty liên kết khác với thông tin cụ thể về tỷ lệ lợi ích trực tiếp và tỷ lệ biểu quyết như sau:

(i) Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam("CADIVI"):

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Một thành viên CADIVI Đồng Nai ("CADIVI Đồng Nai")	Đồng Nai	100%	100%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2.	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc ("CADIVI Miền Bắc")	Bắc Ninh	100%	100%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện

(ii) Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM"):

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Chế tạo Điện Cơ HEM ("HEM EMM") (Trước đây là "Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị lưới điện G-Power") (*) (**)	Hà Nội	100%	100%	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện

(*) Theo Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐQT ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM"), HEM EMM được thông qua việc tăng thêm vốn điều lệ với mức tăng thêm là 55 tỷ VND, nâng tổng vốn điều lệ của HEM EMM lên 95 tỷ VND.

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD ("SAS")	Hà Nội	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn và cho thuê văn phòng

(**) Công ty HEM EMM cũng sở hữu công ty con với thông tin cụ thể về tỷ lệ lợi ích trực tiếp và tỷ lệ biểu quyết như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Điện cơ Hà Nội ("HECO") (***)	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Sản xuất, sửa chữa và kinh doanh sản phẩm ngành điện

(***) Theo Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐQT ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội, HEM đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại HECO cho HEM

EMM. Theo đó, HECO trở thành công ty con trực tiếp của HEM EMM và chuyển từ công ty con trực tiếp thành công ty con gián tiếp của HEM kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2024.

(iii) Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("THIBIDI"):

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh - Công ty Cổ phần	Hà Nội	46,17%	46,17%	Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, thiết kế công trình điện

(iv) Công ty TNHH Phát điện GELEX ("Phát điện GELEX"):

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ ("Phú Thạnh Mỹ")	Quảng Nam	73,16%	73,16%	Sản xuất thủy điện

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Năng lượng GELEX Ninh Thuận ("GELEX Ninh Thuận")	Ninh Thuận	20%	20%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện mặt trời

(v) Công ty Cổ phần Mua bán Điện GELEX ("Mua bán điện GELEX"):

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Mua bán Điện GELEX Hưng Yên	Hà Nội	72,86%	72,86%	Truyền tải và phân phối điện

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Công ty cũng đồng thời lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Người sử dụng báo cáo tài chính nên đọc đồng thời báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 để có đầy đủ thông tin về hoạt động của Công ty.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được và tuân thủ phương pháp hạch toán kế toán hàng tồn kho kê khai thường xuyên. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa tiền thu thuần từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao trong 5 năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa tiền thu thuần từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, phí cam kết rút vốn khoản vay, chi phí bảo hiểm, chi phí nội thất văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ, dụng cụ xuất dùng bao gồm thiết bị văn phòng đã xuất dùng. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí nội thất văn phòng bao gồm chi phí xây dựng lắp đặt, các đồ nội thất, trang thiết bị trang trí được phân bổ trong vòng 3 đến 5 năm sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Phí cam kết rút vốn khoản vay được phân bổ theo thời hạn khoản vay sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm phí bảo trì phần mềm/bản quyền phần mềm, dịch vụ công nghệ thông tin trả trước và các khoản khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Ghi nhận doanh thu

Đối với bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với với cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi, cho vay

Lãi tiền gửi, cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ bán các khoản đầu tư

Lãi từ bán các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Giao dịch chuyển nhượng 10% phần vốn góp tại GELEX Quảng Trị đã được hoàn tất vào ngày 08 tháng 5 năm 2024. Theo điều khoản trong hợp đồng mua bán và các văn bản sửa đổi, các bên sẽ thực hiện quyết toán giá trị hợp đồng dựa trên sản lượng dài hạn của GELEX Quảng Trị được tư vấn đo đạc sau hai (02) năm kể từ ngày chuyển nhượng. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, doanh thu tài chính từ việc chuyển nhượng được ghi nhận dựa trên giá chuyển nhượng tương ứng với sản lượng

dự kiến của GELEX Quảng Trị cho năm 2024. Sản lượng dự kiến sẽ được xem xét lại tại mỗi thời điểm lập báo cáo tài chính, phần chênh lệch giữa số tiền Công ty đã nhận thanh toán và doanh thu tài chính xác định được ghi nhận trên khoản mục Người mua trả tiền trước và sẽ được quyết toán theo thời hạn nêu trên.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản lỗ về thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty nhưng không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ tính thuế. Công ty không có tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về khả năng thực hiện trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	189.219.055	35.142.094
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	74.237.279.490	359.273.497.643
	74.426.498.545	**359.308.639.737**

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	15.506.751.250	20.920.707.500
Công ty Cổ phần Thiết bị Đo điện EMIC	13.199.550.223	689.513.901
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE	7.215.431.718	36.230.999.745
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	-	420.528.062.534
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	-	43.112.652.855
Các khoản phải thu khách hàng khác	17.917.969.129	14.289.229.031
	53.839.702.320	**535.771.165.566**
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	37.705.490.667	471.110.344.808

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	200.000.000.000	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	100.000.000.000	225.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	150.000.000.000
	300.000.000.000	**405.000.000.000**
Trong đó:		
Phải thu về cho vay bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	300.000.000.000	405.000.000.000

Phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện khoản phải thu về cho vay tín chấp có thời hạn từ 03 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 5%/năm đến 10%/năm.

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay	6.640.756.752	1.670.076.711
Ký cược, ký quỹ	222.000.000	205.000.000
Tạm ứng	60.000.000	60.000.000
Các khoản phải thu khác	2.959.569.917	-
	9.882.326.669	**1.935.076.711**
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	10.000.000
	10.000.000	**10.000.000**
Trong đó:		
Phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	6.636.986.302	1.654.520.546

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	52.258.769.671	-	130.807.200.558	-
	52.258.769.671	**-**	**130.807.200.558**	**-**

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phí chấp nhận thanh toán LC	-	202.332.166
Chi phí bảo hiểm	255.559.111	122.433.866
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	443.714.597	412.405.976
	699.273.708	**737.172.008**
b. Dài hạn		
Chi phí nội thất văn phòng	3.783.245.516	4.639.652.415
Phí cam kết rút vốn khoản vay	1.434.910.393	2.869.820.788
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	51.029.349	75.931.375
Chi phí trả trước dài hạn khác	119.349.221	100.046.840
	5.388.534.479	**7.685.451.418**

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	**173.522.250**	**6.223.440.250**	**2.915.489.469**	**9.312.451.969**
Số dư cuối kỳ	**173.522.250**	**6.223.440.250**	**2.915.489.469**	**9.312.451.969**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu kỳ	**73.203.917**	**3.010.095.057**	**643.990.277**	**3.727.289.251**
Khấu hao trong kỳ	16.460.000	542.310.031	295.400.947	854.170.978
Số dư cuối kỳ	**89.663.917**	**3.552.405.088**	**939.391.224**	**4.581.460.229**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu kỳ	**100.318.333**	**3.213.345.193**	**2.271.499.192**	**5.585.162.718**
Tại ngày cuối kỳ	**83.858.333**	**2.671.035.162**	**1.976.098.245**	**4.730.991.740**

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 69.722.250 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 69.722.250 VND).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu kỳ	**9.570.266.170**
Số dư cuối kỳ	**9.570.266.170**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu kỳ	**2.604.208.434**
Hao mòn trong kỳ	948.186.617
Số dư cuối kỳ	**3.552.395.051**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu kỳ	**6.966.057.736**
Tại ngày cuối kỳ	**6.017.871.119**

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 88.400.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 88.400.000 VND).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Dự án xây dựng Hệ thống tích hợp báo cáo quản trị SAC - BI	6.049.772.580	2.222.924.980
	6.049.772.580	**2.222.924.980**

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
			VND			VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	**4.649.894.925.077**	**(33.944.018.214)**		**4.649.937.895.744**	**(33.615.002.786)**	
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (i)	1.613.782.692.270	-	3.853.989.824.500	1.613.825.662.937	-	3.781.900.806.200
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	987.388.541.520	-	(iv)	987.388.541.520	-	(iv)
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (ii)	332.061.707.611	-	(iv)	332.061.707.611	-	540.265.471.200
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	112.485.000.000	-	(iv)	112.485.000.000	-	(iv)
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	355.644.952.503	-	(iv)	355.644.952.503	-	(iv)
Công ty TNHH Phát điện GELEX	882.715.444.864	-	(iv)	882.715.444.864	-	(iv)
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tài MEE	345.671.586.309	(28.123.215.479)	(iv)	345.671.586.309	(29.891.037.733)	(iv)
Công ty Cổ phần Mua bán Điện GELEX	20.145.000.000	(5.820.802.735)	(iv)	20.145.000.000	(3.723.965.053)	(iv)
Đầu tư vào đơn vị khác	**1.111.361.869.099**	**-**		**1.238.396.869.099**	**(14.632.503.555)**	
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	1.111.361.869.099	-	(iv)	1.111.361.869.099	-	(iv)
Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị (iii)	-	-		127.035.000.000	(14.632.503.555)	(iv)
	5.761.256.794.176	**(33.944.018.214)**		**5.888.334.764.843**	**(48.247.506.341)**	

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định căn cứ vào giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn chứng khoán HOSE tại ngày 28 tháng 6 năm 2024 và ngày 29 tháng 12 năm 2023 (phiên giao dịch cuối cùng liền kề trước ngày kết thúc kỳ hoạt động/năm tài chính).

(ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 được xác định căn cứ vào giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn chứng khoán UPCoM tại ngày ngày 29 tháng 12 năm 2023 (phiên giao dịch cuối cùng liền kề trước ngày kết thúc năm tài chính).

(iii) Thực hiện theo Nghị quyết số 43/2023/GE/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng Quản trị Công ty, tại ngày 08 tháng 5 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 10% phần vốn góp tại Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị ("GELEX Quảng Trị") cho Sembcorp Solar Vietnam Pte.Ltd. theo Hợp đồng mua bán ngày 10 tháng 11 năm 2023 và các văn bản sửa đổi bổ sung.

(iv) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này tại ngày kết thúc kỳ kế toán/năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết.

Như trình bày tại Thuyết minh số 01, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (Mã chứng khoán: HEM) được chấp thuận hủy đăng ký giao dịch từ ngày 17 tháng 5 năm 2024.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, 22.200.000 cổ phiếu (CAV) của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam và 18.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Thiết bị điện do Công ty sở hữu được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho khoản trái phiếu do Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX - Công ty mẹ của Công ty phát hành.

Tình hình hoạt động của các công ty con trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam ("CADIVI")	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("THIBIDI")	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM")	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC ("EMIC")	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT ("CFT")	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Phát điện GELEX ("Phát điện GELEX")	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị ("GELEX Quảng Trị")	Không còn là công ty con	Hoạt động kinh doanh lỗ
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE ("MEE")	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh lỗ
Công ty Cổ phần Mua bán Điện GELEX ("GETC")	Hoạt động kinh doanh lỗ, đang trong quá trình triển khai dự án	Hoạt động kinh doanh lỗ, đang trong quá trình triển khai dự án

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 30.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
		VND		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Glencore International AG	52.182.133.366	52.182.133.366	-	-
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	15.351.683.737	15.351.683.737	63.393.335.671	63.393.335.671
Công ty Cổ phần Ngô Han	8.617.389.931	8.617.389.931	6.017.895.287	6.017.895.287
Công ty TNHH MTV Thiết bị lưới điện - EEMC	-	-	8.700.675.060	8.700.675.060
Phải trả các đối tượng khác	12.806.697.991	12.806.697.991	4.091.434.739	4.091.434.739
	88.957.905.025	**88.957.905.025**	**82.203.340.757**	**82.203.340.757**
Trong đó:				
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	15.390.401.737	15.390.401.737	63.393.335.671	63.393.335.671

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải thu trong kỳ	Số được khấu trừ trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	254.361.769	-	-	254.361.769
Thuế giá trị gia tăng	11.519.304.307	-	-	11.519.304.307
	11.773.666.076	**-**	**-**	**11.773.666.076**

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	27.200.896.580	27.200.896.580	-
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	79.788.885	79.788.885	-
Thuế thu nhập cá nhân	82.432.450	1.571.644.962	1.360.146.713	293.930.699
Các loại thuế khác	35.000.000	75.376.518	110.376.518	-
	117.432.450	**28.927.706.945**	**28.751.208.696**	**293.930.699**

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Lãi vay phải trả	3.100.413.867	7.323.934.900
Phí thư tín dụng (LC) phải trả ngân hàng	-	9.351.262.584
Khác	141.666.662	898.890.887
	3.242.080.529	**17.574.088.371**
b. Dài hạn		
Khác	279.255.452	-
	279.255.452	**-**

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Dư nợ thư tín dụng (LC)	-	755.829.521.637
Chi phí lãi vay	4.728.543.050	1.521.240.640
Cổ tức phải trả	158.360.000	144.160.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	127.178.000	44.452.000
	5.014.081.050	**757.539.374.277**
b. Dài hạn		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.301.259.916	2.630.011.334
	2.301.259.916	**2.630.011.334**
Trong đó:		
Phải trả khác các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	7.018.246.217	3.765.079.827

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Sembcorp Solar Vietnam Pte.Ltd.	21.075.883.133	-
	21.075.883.133	**-**

19. VAY NGẮN HẠN

Vay ngắn hạn	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
		VND		VND		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng (i)	312.005.780.243	312.005.780.243	472.027.877.240	528.108.203.193	255.925.454.290	255.925.454.290
Vay ngắn hạn các bên liên quan (ii) (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	70.000.000.000	70.000.000.000	560.000.000.000	220.000.000.000	410.000.000.000	410.000.000.000
	382.005.780.243	**382.005.780.243**	**1.032.027.877.240**	**748.108.203.193**	**665.925.454.290**	**665.925.454.290**
Vay dài hạn đến hạn trả						
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng (iii)	1.096.125.470.514	1.096.125.470.514	-	599.749.058.972	496.376.411.542	496.376.411.542
	1.096.125.470.514	**1.096.125.470.514**	**-**	**599.749.058.972**	**496.376.411.542**	**496.376.411.542**
	1.478.131.250.757	**1.478.131.250.757**	**1.032.027.877.240**	**1.347.857.262.165**	**1.162.301.865.832**	**1.162.301.865.832**

(i) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngân hàng:

Bên cho vay	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
	VND	VND		%/năm		
Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	214.426.226.255	14.606.043.814	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 21 tháng 7 năm 2024	6,96%	Thanh toán tiền mua hàng hóa	Hợp đồng bảo lãnh vay vốn giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX và Ngân hàng Sinopac
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	31.728.919.249	150.172.776.252	Kỳ hạn vay 5,5 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 19 tháng 11 năm 2024	3,5%-3,6%	Thanh toán tiền mua hàng hóa	Hàng hóa luân chuyển và khoản phải thu hình thành từ việc cấp tín dụng BIDV
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)	9.770.308.786	147.226.960.177	Kỳ hạn vay 120 ngày. Lãi vay trả cuối kỳ cùng gốc vay. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 24 tháng 10 năm 2024	3,6%	Thanh toán tiền mua hàng hóa	Hợp đồng bảo lãnh vay vốn giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX và Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)
	255.925.454.290	**312.005.780.243**				

(ii) Số dư chi tiết các khoản vay với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 30. Các khoản vay có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng tại ngày kết thúc kỳ kế toán, không có tài sản đảm bảo với lãi suất từ 4,0%/năm đến 7,5%/năm.

(iii) Chi tiết Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng:

Bên cho vay	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
	VND	VND		(%/năm)		
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Hội sở chính	496.376.411.542	1.096.125.470.514	Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2024	Lãi suất vay cố định 8,54%/năm, trả lãi 3 tháng/lần	Tái cấu trúc doanh nghiệp, trả nợ khoản vay với Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	41.500.000 cổ phiếu VGC (Tổng Công ty Viglacera – CTCP) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX. Cam kết thanh toán và bảo lãnh bởi CTCP Tập đoàn GELEX
	496.376.411.542	**1.096.125.470.514**				

20. VAY DÀI HẠN

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay bên liên quan (i) (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
	50.000.000.000	**50.000.000.000**	**-**	**-**	**50.000.000.000**	**50.000.000.000**

(i) Số dư chi tiết khoản vay với bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 30. Khoản vay có thời hạn 3 năm, không có tài sản đảm bảo với lãi suất 8%/năm.

Lịch trả nợ các khoản vay dài hạn được trình bày như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Trong vòng một năm	496.376.411.542	1.096.125.470.514
Trong năm thứ hai	50.000.000.000	50.000.000.000
	546.376.411.542	**1.146.125.470.514**

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	**3.000.000.000.000**	**835.287.500.000**	**5.000.000.000**	**424.147.407.961**	**4.264.434.907.961**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	223.875.870.897	223.875.870.897
Chia cổ tức	-	-	-	(150.000.000.000)	(150.000.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	**3.000.000.000.000**	**835.287.500.000**	**5.000.000.000**	**498.023.278.858**	**4.338.310.778.858**
Số dư đầu kỳ này	**3.000.000.000.000**	**835.287.500.000**	**5.000.000.000**	**1.078.202.564.542**	**4.918.490.064.542**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	297.807.103.678	297.807.103.678
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(300.000.000.000)	(300.000.000.000)
Số dư cuối kỳ này	**3.000.000.000.000**	**835.287.500.000**	**5.000.000.000**	**1.076.009.668.220**	**4.916.297.168.220**

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/GE/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua việc trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 với số tiền là 600 tỷ VND, tương ứng 20% vốn điều lệ. Cụ thể các lần thanh toán như sau:

- Trong năm 2023, Công ty đã tạm ứng cổ tức bằng tiền theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 38/2023/GE/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 8 năm 2023 với tỷ lệ 10% vốn điều lệ tương đương với 300 tỷ VND.

- Trong kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 01/2024/GE/NQ-HĐQT ngày 02 tháng 01 năm 2024 với tỷ lệ 5% vốn điều lệ tương đương 150 tỷ VNDvà chi trả cổ tức còn lại với tỷ lệ 5% vốn điều lệ tương đương 150 tỷ VND theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 28/2024/GE/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 5 năm 2024. Theo đó, tổng cổ tức được chia trong 6 tháng đầu năm 2024 là 300 tỷ VND tương ứng 10% vốn điều lệ.

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	300.000.000	300.000.000
Cổ phiếu phổ thông	*300.000.000*	*300.000.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	300.000.000	300.000.000
Cổ phiếu phổ thông	*300.000.000*	*300.000.000*

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 15 tháng 11 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là 3.000.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Chi tiết như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	2.399.956.000.000	80,0%	2.399.956.000.000	80,0%
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	150.000.000.000	5,0%	165.000.000.000	5,5%
Các cổ đông khác	450.044.000.000	15,0%	435.044.000.000	14,5%
	3.000.000.000.000	**100%**	**3.000.000.000.000**	**100%**

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Đô la Mỹ	24.302,23	560.235,90

Tài sản thuê ngoài:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	3.575.173.444	4.110.289.860
Trên 1 năm đến 5 năm	893.793.361	2.756.132.131
	4.468.966.805	**6.866.421.991**

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	421.217.909.639	844.952.891.253
Doanh thu cung cấp dịch vụ	171.000.000	342.000.000
	421.388.909.639	**845.294.891.253**
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 30)	329.553.196.639	422.379.940.766

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	415.254.737.597	835.049.380.010
	415.254.737.597	**835.049.380.010**

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	349.988.351.333	391.780.225.800
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	11.972.135.222	17.462.533.017
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.499.291.655	5.580.280.672
Lãi từ bán các khoản đầu tư	(1.469.633.587)	-
Lãi bán hàng trả chậm	-	148.170.186
	362.990.144.623	**414.971.209.675**

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	53.540.981.208	106.053.455.055
Phí LC UPAS, lãi mua hàng trả chậm, phí chấp nhận thanh toán chứng từ	7.564.144.505	17.469.799.827
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.533.422.980	9.124.648.115
Lãi nhận ký quỹ	-	10.171.232.877
Các chi phí liên quan đến khoản vay	1.434.910.395	1.434.910.395
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	(14.303.488.127)	37.225.539.368
Chi phí tài chính khác	433.131.809	256.410.193
	54.203.102.770	**181.735.995.830**

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	1.110.883.515	907.327.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	957.930.150	812.198.551
Chi phí khác bằng tiền	325.974.962	988.463.780
	2.394.788.627	**2.707.989.331**
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân công	6.406.764.758	8.337.865.522
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.270.867.203	1.165.923.898
Chi phí nguyên vật liệu	14.384.209	8.962.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.212.935.689	5.213.878.827
Chi phí khác bằng tiền	3.834.961.159	2.170.039.947
	14.739.913.018	**16.896.670.994**

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	7.517.648.273	9.245.192.522
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.270.867.203	1.165.923.898
Chi phí nguyên vật liệu	14.384.209	17.994.878
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.170.865.839	6.026.077.378
Chi phí khác bằng tiền	4.160.936.121	3.149.471.649
	17.134.701.645	**19.604.660.325**

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	**297.807.103.678**	**223.875.870.897**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	**(325.661.085.198)**	**(389.919.486.801)**
Cộng các khoản điều chỉnh tăng:	24.340.158.727	2.101.908.037
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ này	*2.309.040*	-
- Chi phí khấu hao xe ô tô không được trừ	*302.310.031*	*231.438.359*
- Thù lao HĐQT không điều hành và Ban Kiểm soát	*450.000.000*	-
- Chi phí lãi vay thuần không được khấu trừ trong kỳ này	-	*1.620.970.002*
- Các chi phí không được trừ khác	*2.230.401.071*	*249.499.676*
- Điều chỉnh ước tính (giảm) giá phí chuyển nhượng khoản đầu tư	*21.355.138.585*	-
Trừ các khoản điều chỉnh giảm:	350.001.243.925	392.021.394.838
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	*349.988.351.333*	*391.780.225.800*
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ trước	*12.892.592*	*241.169.038*
(Lỗ) tính thuế	(27.853.981.520)	(166.043.615.904)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-

Chi tiết lỗ tính thuế được chuyển như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Số lỗ phát sinh	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	Số lỗ được chuyển trong kỳ	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2024	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024
		VND	VND	VND	VND	VND
2019	2024	15.330.193.828	(15.330.193.828)	-	(15.330.193.828)	-
2020	2025	86.411.008.014	(86.411.008.014)	-	(86.411.008.014)	-
2021	2026	124.410.522.883	(48.801.257.174)	-	(48.801.257.174)	75.609.265.709
2024	2029	27.853.981.520	-	-	-	27.853.981.520
		254.005.706.245	**(150.542.459.016)**	**-**	**(150.542.459.016)**	**103.463.247.229**

Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các doanh nghiệp và đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Công ty con
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	Công ty con
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty con
Công ty TNHH Phát điện GELEX	Công ty con
Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX	Công ty con
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE	Công ty con
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Chế tạo Điện Cơ HEM	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện cơ Hà Nội	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	Cổ đông lớn/Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần GVI	Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	Bên liên quan của thành viên HĐQT trong kỳ trước

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**329.553.196.639**	**422.379.940.766**
Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai	252.587.512.463	409.828.710.021
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	22.426.163.613	1.390.607.919
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	22.021.052.040	2.583.012.160
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE	16.295.077.047	-
Công ty TNHH Chế tạo Điện Cơ HEM	11.964.525.895	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	4.105.865.581	8.280.610.666
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	90.000.000	180.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	45.000.000	90.000.000
Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	9.000.000	18.000.000
Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX	9.000.000	9.000.000
Giá trị mua hàng và dịch vụ cung cấp	**94.012.730.819**	**411.723.696.049**
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	90.917.355.870	409.008.255.090
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	2.718.801.644	1.935.968.752
Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	376.573.305	752.268.426
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	-	27.203.781
Mua tài sản cố định	**-**	**2.910.827.500**
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	-	2.910.827.500
Cho vay	**410.000.000.000**	**735.000.000.000**
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	210.000.000.000	300.000.000.000
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	200.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	-	435.000.000.000
Đi vay	**560.000.000.000**	**370.000.000.000**
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	400.000.000.000	160.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	110.000.000.000	190.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	30.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Phát điện GELEX	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	-	10.000.000.000
Thu hồi gốc cho vay	**515.000.000.000**	**620.000.000.000**
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	360.000.000.000	220.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	125.000.000.000	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	30.000.000.000	400.000.000.000
Trả gốc vay	**220.000.000.000**	**410.000.000.000**
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	180.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	20.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Phát điện GELEX	20.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	-	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	360.000.000.000
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	-	20.000.000.000

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi cho vay	**11.859.863.014**	**14.996.712.332**
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	8.504.109.589	165.205.480
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	3.161.780.822	1.213.150.686
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	193.972.603	13.618.356.166
Lãi đi vay	**9.074.520.545**	**42.313.465.754**
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	3.595.890.411	31.528.493.150
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	2.893.698.628	4.898.397.259
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	2.299.178.081	4.980.821.921
Công ty TNHH Phát điện GELEX	285.753.425	703.561.643
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	-	123.287.671
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	-	78.904.110
Cổ tức đã trả	**263.245.600.000**	**131.997.800.000**
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	239.995.600.000	119.997.800.000
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	15.750.000.000	8.250.000.000
Công ty Cổ phần GVI	7.500.000.000	3.750.000.000
Nhận đặt cọc chuyển nhượng khoản đầu tư	-	**600.000.000.000**
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	-	600.000.000.000
Hoàn trả ký quỹ mua vật tư	-	**200.000.000.000**
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	-	200.000.000.000
Lãi ký quỹ mua vật tư phải trả	-	**10.171.232.877**
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	-	10.171.232.877
Lãi bán hàng trả chậm	-	**148.170.186**
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	-	148.170.186
Thu hộ, chi hộ chi phí liên quan đến phần mềm	**1.609.084.259**	**906.738.579**
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	608.914.343	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	358.274.537	328.751.418
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	287.850.416	-
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	224.881.314	577.987.161
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	29.523.119	-
Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX	3.690.390	-
Công ty TNHH Chế tạo Điện Cơ HEM	22.142.340	-
Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai	22.142.340	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE	14.761.560	-
Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	11.071.170	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	11.071.170	-
Công ty TNHH Điện cơ Hà Nội	11.071.170	-
Công ty TNHH Phát điện GELEX	3.690.390	-
Góp vốn	-	**2.907.000.000**
Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX	-	2.907.000.000

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	**349.988.351.333**	**446.022.965.800**
Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	221.769.393.333	110.906.182.000
Công ty TNHH Phát điện GELEX	57.134.000.000	63.308.471.800
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	56.242.500.000	67.491.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	14.842.458.000	74.212.290.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	-	33.326.595.000
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	-	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	-	46.778.427.000
Doanh thu thanh lý công cụ, dụng cụ	**50.166.555**	**-**
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	36.181.931	-
Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX	13.984.624	-
Điều chỉnh giảm giá trị chuyển nhượng khoản đầu tư	**(3.638.125.063)**	**-**
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	(3.638.125.063)	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Thu nhập Hội đồng Quản trị (i)	950.000.000	2.051.000.000
Thu nhập Tổng Giám đốc và người quản lý khác (ii)	1.528.000.000	912.000.000
Thù lao Ban kiểm soát (ii)	120.000.000	120.000.000
	2.598.000.000	**3.083.000.000**

(i) Bao gồm thù lao, lương và các khoản thu nhập khác của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, cụ thể như sau:

		Kỳ này	Kỳ trước
		VND	VND
Thù lao	**Chức vụ**	**360.000.000**	**360.000.000**
Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
Đỗ Duy Hưng	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Đặng Phan Tường	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Lê Bá Thọ	Thành viên HĐQT từ ngày 19 tháng 4 năm 2023	60.000.000	20.000.000
Nguyễn Đức Luyện	Thành viên HĐQT từ ngày 27 tháng 3 năm 2024	30.000.000	-
Nguyễn Trọng Tiếu	Thành viên HĐQT đến ngày 19 tháng 4 năm 2023	-	40.000.000
Nguyễn Trọng Trung	Thành viên HĐQT đến ngày 27 tháng 3 năm 2024	30.000.000	60.000.000
Lương và các khoản thu nhập khác		**590.000.000**	**1.691.000.000**
Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	4.000.000	4.000.000
Đỗ Duy Hưng	Thành viên HĐQT	154.000.000	454.000.000
Đặng Phan Tường	Thành viên HĐQT	424.000.000	589.000.000
Lê Bá Thọ	Thành viên HĐQT từ ngày 19 tháng 4 năm 2023	4.000.000	4.000.000
Nguyễn Đức Luyện	Thành viên HĐQT từ ngày 27 tháng 3 năm 2024	4.000.000	-
Nguyễn Trọng Tiếu	Thành viên HĐQT đến ngày 19 tháng 4 năm 2023	-	640.000.000
Tổng cộng		**950.000.000**	**2.051.000.000**

(ii) Bao gồm tiền lương và thu nhập khác của Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, cụ thể như sau:

		Kỳ này	Kỳ trước
		VND	VND
Nguyễn Trọng Trung	Tổng Giám đốc	798.000.000	184.000.000
Các thành viên quản lý khác		730.000.000	728.000.000
		1.528.000.000	**912.000.000**

(iii) Bao gồm thù lao của từng thành viên trong Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, cụ thể như sau:

		Kỳ này	Kỳ trước
		VND	VND
Thù lao	**Chức vụ**		
Đào Viết Đỉnh	Trưởng Ban kiểm soát từ ngày 19 tháng 4 năm 2023	60.000.000	20.000.000
Nguyễn Hoàng Việt	Thành viên Ban kiểm soát	30.000.000	30.000.000
Bùi Thị Trang	Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 19 tháng 4 năm 2023	30.000.000	10.000.000
Nguyễn Thị Huyền	Trưởng Ban kiểm soát đến ngày 19 tháng 4 năm 2023	-	40.000.000
Tiêu Thị Dung	Thành viên Ban kiểm soát đến ngày 19 tháng 4 năm 2023	-	20.000.000
		120.000.000	**120.000.000**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**37.705.490.667**	**471.110.344.808**
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	13.199.550.223	689.513.901
Công ty TNHH Chế tạo Điện cơ HEM	11.208.775.055	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE	7.215.431.718	36.230.999.745
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	5.432.764.662	9.069.148.772
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	609.168.885	4.592.619.856
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	39.800.124	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	-	420.528.062.534
Phải thu về cho vay ngắn hạn	**300.000.000.000**	**405.000.000.000**
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	200.000.000.000	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	100.000.000.000	225.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	150.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	**6.636.986.302**	**1.654.520.546**
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	6.472.602.740	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	164.383.562	1.305.205.478
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	349.315.068
Phải trả người bán ngắn hạn	**15.390.401.737**	**63.393.335.671**
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	15.351.683.737	63.393.335.671
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	38.718.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	**4.716.986.301**	**1.135.068.493**
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	3.595.890.411	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	1.121.095.890	1.041.095.890
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	-	93.972.603

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải trả dài hạn khác	**2.301.259.916**	**2.630.011.334**
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	2.301.259.916	2.630.011.334
Vay ngắn hạn	**410.000.000.000**	**70.000.000.000**
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	400.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	-	70.000.000.000
Vay dài hạn	**50.000.000.000**	**50.000.000.000**
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	50.000.000.000	50.000.000.000

31. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết về bảo lãnh

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty đã bảo lãnh cho một số hợp đồng tín dụng ngắn hạn/trung hạn/dài hạn của Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC, Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội, Công ty Cổ phần Thiết bị điện, Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp truyền tải MEE, Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX - các công ty con của Công ty.

Số dư theo hợp đồng tín dụng của các công ty trên được Công ty bảo lãnh tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 lần lượt là 201.266.851.875 VND, 3.391.565.179 VND, 100.020.604.237 VND, 71.452.989.749 VND, 10.200.000.000 VND.

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Công ty đã nhận được Quyết định số 353/QĐ-SGDHCM ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán "GEE", số lượng cổ phiếu niêm yết là 300.000.000 cổ phiếu tương ứng giá trị 3.000 tỷ VND (theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu). Cổ phiếu của Công ty đã được hủy đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("UPCoM") kể từ ngày 19 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định số 806/QĐ-SGDHN ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam - Công ty con của Công ty đã hủy niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán CAV, số lượng cổ phiếu hủy niêm yết là 57.600.000 cổ phiếu tương ứng với giá trị 576 tỷ VND (theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu). Ngày hủy niêm yết có hiệu lực là ngày 18 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định số 325/QĐ-SGDHCM ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn Thị Vân Anh	Nguyễn Thị Nga	Nguyễn Trọng Trung
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 8 năm 2024